

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-ST.

Ngày 23 - 9 -2020

V/v “Tranh chấp Đòi tiền công đồn mía”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

2. Bà Thái Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLST- DS, ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp đòi tiền công đồn mía”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Huỳnh Văn H, sinh năm: 1984. Cư trú tại: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

* Bị đơn: Trương Văn R, sinh năm: 1963. Cư trú tại: ấp Đ, xã Đ, huyện C, (Vắng mặt).

* Người làm chứng: Trương Văn M, sinh năm: 1987. Cư trú tại: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 6 năm 2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Huỳnh Văn H trình bày:

Vào ngày 20/5/2020 DL (nhằm ngày 28/4/2020 AL) anh Huỳnh Văn H có hợp đồng đồn mía nguyên liệu cho ông Trương Văn R, khi hợp đồng chỉ bằng lời nói, không có lập thành văn bản. Theo thỏa thuận thì tiền công đồn mía tính theo đầu tấn, mỗi tấn là 280.000 đồng và thống nhất là ngày 22/5/2020 DL (nhằm ngày 30/4/2020 AL) anh H sẽ đồn mía nguyên liệu bàn giao cho ông R. Anh H đã đồn mía và bàn giao cho ông R, ông R là người trực tiếp cân mía và

tính tiền với anh H với tổng số tiền là 10.898.000 đồng, ông R hẹn lại là 25 ngày sau sẽ trả tiền anh H với số tiền mà hai bên thống nhất là 10.898.000 đồng. Khi đến hạn trả tiền ông R không trả tiền cho anh H, anh H có gặp ông R để yêu cầu trả tiền nhiều lần, nhưng ông R không trả tiền cho anh H, nên anh H có đơn khởi kiện ông R đến tổ hòa giải ấp Đoàn Văn Tổ A. Tại buổi hòa giải ngày 14/6/2020 của Tổ hòa giải ấp Đoàn Văn Tổ A, xã Đại Ân 1 thì ông R thừa nhận có nợ anh H số tiền 10.898.000 đồng, nhưng ông R nói chưa có tiền, nên không hẹn thời gian trả tiền cho anh H. Bà T và ông N không có thuê anh H đồn mía.

Nay anh Huỳnh Văn H yêu cầu Tòa án nhân dân xem xét, giải quyết buộc ông Trương Văn R phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh H số tiền là 10.898.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả đủ 01 lần.

* Tại tờ tường trình ngày 08 tháng 7 năm 2020 ông Trương Văn R trình bày: Anh Huỳnh Văn H là đầu công đồn mía của ông R. Vào ngày 24/6/2020 bà Lê Thị Mỹ T và ông N (không rõ họ, tên) cứ trú tại ấp Quyết Thắng, xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang có kêu ông R kêu dùm anh H đầu công đồn mía, Bà T và ông N có hứa với anh H 25 ngày sau trả tiền thì anh H chấp nhận chịu đồn mía cho Bà T, ông N. Đến 25 ngày sau Bà T, ông N không trả tiền cho anh H, anh H điện thoại đòi tiền Bà T, ông N. Bà T, ông N hẹn 05 ngày nữa trả tiền, nhưng 05 ngày sau Bà T, ông N không thực hiện việc trả tiền cho anh H, anh H tiếp tục điện thoại cho Bà T, ông N thì Bà T, ông N hẹn thêm 02 ngày nữa trả tiền, nhưng đến 02 ngày sau Bà T, ông N cũng không trả tiền cho anh H. Sau đó, anh H gọi điện thoại cho Bà T, ông N đòi tiền thì Bà T, ông N nói là “tao không có mướn mày”. Anh H điện thoại cho ông R và nói “Bà T, ông N nói ngược, bác tám tính làm sau”, ông R trả lời “bác tám không có tiền con đi thưa đi”. Sau đó, anh H làm đơn khởi kiện ông R đến tổ hòa giải ấp Đoàn Văn Tổ A. Tại buổi hòa giải thì ông Th tổ trưởng tổ hòa giải có gọi điện thoại cho Bà T, ông N và ông Th có nói lại là Bà T, ông N nói là ông Th đừng xử hẹn 10 ngày sau gửi tiền cho ông Tám R trả đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trương Văn R là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông R.

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 6 năm 2020 của nguyên đơn Huỳnh Văn H thì vào ngày 20/5/2020 DL (nhằm ngày 28/4/2020 AL) anh Huỳnh Văn H có nhận hợp đồng đầu công đồn mía nguyên liệu cho ông Trương Văn R. Do ông R không trả tiền công đồn mía cho anh H, nên anh H khởi kiện yêu cầu ông

R phải trả cho anh H số tiền công đồn mía là 10.898.000 đồng, nên Hội đồng xét xử xét thấy đây chỉ là tranh chấp về dân sự là Tranh chấp Đòi tiền công đồn mía, tranh chấp này được điều chỉnh theo quy định tại khoản 14 của Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Trương Văn R phải hoàn trả số tiền công đồn mía là 10.898.000 đồng, trả đủ 01 lần, không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn là ông Trương Văn R thì tại Tờ tường trình ngày 08 tháng 7 năm 2020 ông Trương Văn R trình bày: Anh Huỳnh Văn H là đầu công đồn mía của ông R. Vào ngày 24/6/2020 bà Lê Thị Mỹ T và ông N (không rõ họ, tên) cứ trú tại ấp Quyết Thắng, xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang có kêu ông R kêu dùm anh H đầu công đồn mía, Bà T và ông N có hứa với anh H 25 ngày sau trả tiền thì anh H chấp nhận chịu đồn mía cho Bà T, ông N. Đến 25 ngày sau Bà T, ông N không trả tiền cho anh H, anh H điện thoại đòi tiền Bà T, ông N. Bà T, ông N hẹn 05 ngày nữa trả tiền, nhưng 05 ngày sau Bà T, ông N không thực hiện việc trả tiền cho anh H, anh H tiếp tục điện thoại cho Bà T, ông N thì Bà T, ông N hẹn thêm 02 ngày nữa trả tiền, nhưng đến 02 ngày sau Bà T, ông N cũng không trả tiền cho anh H. Sau đó, anh H gọi điện thoại cho Bà T, ông N đòi tiền thì Bà T, ông N nói là “tao không có mướn mày”. Anh H điện thoại cho ông R và nói “Bà T, ông N nói ngược, bác tám tính làm sau”, ông R trả lời “bác tám không có tiền con đi thưa đi”. Sau đó, anh H làm đơn khởi ông R đến tổ hòa giải ấp Đoàn Văn Tổ A. Tại buổi hòa giải thì ông Th tổ trưởng tổ hòa giải có gọi điện thoại cho Bà T, ông N và ông Th có nói lại là Bà T, ông N nói là ông Th đừng xử hẹn 10 ngày sau gửi tiền cho ông Tám R trả đủ.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại biên bản hòa giải ngày 14/6/2020 của Tổ hòa giải ấp Đoàn Văn Tổ A có nội dung ghi nhận là bên B (Ông R) trình bày có hùn mua và đồn mía, mướn ghe chở đi nhà máy với bà Lê Thị Mỹ T và ông N (không rõ họ, tên), nhưng đến nay bà T và ông N chưa thanh toán tiền cho ông R, nên ông R chưa có tiền trả cho anh H. Theo tờ tường trình ông R trình bày là vào ngày 24/6/2020 bà Lê Thị Mỹ T và ông N (không rõ họ, tên) cứ trú tại ấp Quyết Thắng, xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang có kêu ông R kêu dùm anh H đầu công đồn mía, nhưng biên bản hòa giải là ngày 14/6/2020, như vậy là sau khi hòa giải cơ sở xong, Bà T và ông N nhờ ông R kêu anh H đồn mía. Đồng thời, tại phiên tòa người làm chứng là anh Trương Văn M trình bày: Anh M là Phó ban nhân dân ấp Đoàn Văn Tổ A, ngày 14/6/2020 anh M có trực tiếp tham gia hòa giải vụ việc tranh chấp giữa anh H và ông R với tư cách là thành viên tổ hòa giải. Tại buổi hòa giải ngày 14/6/2020 ông R thừa nhận là có hợp đồng thuê anh H đồn mía và

hiện nay còn nợ anh H số tiền là 10.898.000 đồng, nhưng do ông R có hùn mua và đồn mía, mượn ghe chở đi nhà máy với bà Lê Thị Mỹ T và ông N (không rõ họ, tên), nhưng đến nay bà T và ông N chưa thanh toán tiền cho ông R, nên ông R chưa có tiền trả cho anh H. Tại buổi hòa giải thì ông Th tổ trưởng tổ hòa giải cũng không có gọi điện thoại cho bà T, ông N và ông Th cũng không có nói là Bà T, ông N kêu ông Th đừng xử hẹn 10 ngày sau gửi tiền cho ông Tám R trả đủ.

Như vậy, Hội đồng xét xử hoàn toàn có cơ sở để xác định anh H và ông R có hợp đồng thuê đồn mía với nhau và hiện nay ông R còn nợ anh H số tiền công đồn mía là 10.898.000 đồng. Việc ông R cho rằng Bà T và ông N mới là người trực tiếp thuê anh H đồn mía và có nợ tiền anh H là không có cơ sở để chấp nhận.

Xét về hình thức, nội dung, mục đích của hợp đồng nhận thấy: Ông R người trực tiếp thuê anh H đồn mía. Ông R, anh H là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của hai bên, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận đây là hợp đồng dân sự hợp pháp và giải quyết hậu quả phát sinh từ hợp đồng này theo quy định tại các điều 117, điều 119, điều 274, điều 275, điều 280, điều 398, điều 400 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Xét về lỗi: Ông R là người có lỗi, vì đã vi phạm nghĩa vụ không trả tiền (Tiền công đồn mía) cho anh H. Nay anh H yêu cầu ông R phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh H số tiền công đồn mía là 10.898.000 đồng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 274 và Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, cần xử buộc ông R phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh H số tiền công đồn mía là 10.898.000 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc ông Trương Văn R phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 544.900 đồng; anh Huỳnh Văn H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002951 ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273

của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 398, Điều 400 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn H.

Buộc ông Trương Văn R phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Huỳnh Văn H số tiền là 10.898.000 đồng (*Mười triệu tám trăm chín mươi tám ngàn đồng*), không tính lãi.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Trương Văn R không hoàn trả số tiền 10.898.000 đồng (*Mười triệu tám trăm chín mươi tám ngàn đồng*) thì hàng tháng ông Trương Văn R còn phải trả lãi cho anh H đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Văn R phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 544.900 đồng (*Năm trăm bốn mươi bốn ngàn chín trăm đồng*); anh Huỳnh Văn H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002951 ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Huỳnh Văn H có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn ông Trương Văn R không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên